

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 23/11/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLO+RP3	7:25	21+1	0+0		17+5	0+0	
2		P4+P5	7:25	22+0	0+0		21+1	0+0	
3		TD1+CLO	7:25	20+2	0+0		14+8	0+0	chuyen 1 tđ1-clo
4		RP3	9:25	22	0		22	0	
5		PPD+TD1	9:25	19+3	0+0		18+4	0+0	
6		RP2+RP1+VSP01	9:25	0+0+19	0+0+0		1+0+21	0+0+0	chuyen 2 rp2-rp1
7		T.UNG	11:15	17	0		19	0	
8		AMD+P4	11:25	12+8	0+0		12+9	0+0	
9		TGTH4+TGTH5+AMD	11:25	5+4+11	0+0+0		4+4+14	0+0+0	
10		VSP01+PPD	11:25	15+7	0+0		12+10	0+0	
11		RP3	13:25	18	0		22	0	

TTBDSX

PPD

(Điểm khai và nhận hành khách)

Điểm khai và nhận hành khách

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày P4-4ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/11/2024	TO: CLO - RP3	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:32
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: N.ANH - VTHẮNG -	ETA: 09:20
xanh-1		QTRƯỜNG	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LUƠNG NGỌC KHƯƠNG	CLO	49-50	2	9			76	KHOAN	Vietnamese
2	PHẠM MINH HOANG	CLO	59	1	9			96	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ VIỆT HÙNG	CLO	48	1	12			64	KHOAN	Vietnamese
4	KIỆU VĂN HUÂN	CLO	56-57	2	11			66	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM ĐÌNH THỤ	CLO	63	1	6			72	KHOAN	Vietnamese
6	BUI VIỆT BÁC	CLO	54	1	7			80	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ MINH HIỆP	CLO	53	1	9			74	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN CÔNG BANG	CLO	60	1	9			81	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG VĂN QUYÊN	CLO	46-47	2	19			64	YTE	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN THANH	CLO	68	1	3	1	9	67	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ HUY TUYẾN	CLO	61	1	8			55	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN ĐĂNG KHOA	CLO	55	1	5			73	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TRƯỞNG SƠN	CLO	43-45	3	16			63	KHOAN	Vietnamese
14	TÔ ANH TUÂN	CLO	62	1	11			76	KHOAN	Vietnamese
15	TRỊNH HÙNG ANH	CLO	67	1	7			53	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN QUANG HUY	CLO	66	1	15			96	DVL	Vietnamese
17	PHẠM HAI LONG	CLO	58	1	14			78	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐUNG	CLO	64	1	15			61	DVL	Vietnamese
19	ĐO MINH HOANG	CLO	52	1	16			74	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN HAI ĐĂNG	CLO	51	1	10			82	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN NGỌC SƠN	CLO	65	1	18			70	DVL	Vietnamese
22	MOHD RASHIDI BIN AHMAD	RP3	72-73	2	11	3	50	78	CI-TECH	Malaysian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CLO	21	1.521	26	229	1	9	17		
2	RP3	1	78	2	11	3	50	5		
TOTAL		22	1.599	28	240	4	59	22		
WEIGHT KG			1.599		240		59			

GRAND TOAL: 1.898 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/11/2024	TO: P4 - P5	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: CHIẾN - N.CƯỜNG - TÚ	ETA: 09:25
CAM - 1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ HỒNG ĐẠI	P4	500	1	4	4	70	73	D-HANH	Vietnamese
2	PHẠM THẾ TRƯỞNG	P4	82	1	6			77	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐĂNG TUẤN	P4	81	1	6			65	KHI	Vietnamese
4	ĐÌNH NGỌC QUÝ	P4	90	1	4			77	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN THÀNH TRUNG	P4	94	1	6			71	KHI	Vietnamese
6	PHẠM TRẠI	P4	98	1	4			60	KHI	Vietnamese
7	TẠ XUÂN HIỆU	P4	95	1	5			67	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU LUẬN	P4	75	1	6			73	KHI	Vietnamese
9	PHAN HỒNG TÂM	P4	92-93	2	11			60	KHI	Vietnamese
10	PHAN ĐÌNH NHÂM	P4	91	1	6			61	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN MINH	P4	97	1	3			80	KHI	Vietnamese
12	NHÂM ĐIỆN BIÊN	P4						70	NIPI	Vietnamese
13	PHAN NGỌC QUYẾT	P4	99	1	2			73	NIPI	Vietnamese
14	PHI HỒNG MẠNH	P4	73-74	2	17			78	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN KIM THẠCH	P4	80-87	2	20			78	CODIEN	Vietnamese
16	LÊ HUY BẠC	P4	88-89	2	15			69	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN HOANG TRƯỞNG	P4						79	KHI	Vietnamese
18	PHẠM ĐỨC HIỆP	P4	96	1	4			80	KHI	Vietnamese
19	DOÀN THÀNH CÔNG	P4	85	1	5			74	KHI	Vietnamese
20	TRẦN SƠN TIỀN	P4	86	1	8			66	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN VIỆT NGỌC	P4	83-84	2	9			64	KHI	Vietnamese
22	LÊ TRUNG LAM	P4						71	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P4	22	1.566	24	141	4	70	21		
2	P5	0	0	0	0	1	10	1		
TOTAL		22	1.566	24	141	5	80	22		
WEIGHT KG			1.566		141		80			

GRAND TOAL: 1.787 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/11/2024	TO: TD1 - CLO	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: LINH - HTRUNG - VŨ	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN TIẾN DŨNG	TD1	33	1	6			68	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN NGỌC THAI	TD1	02	1	5			83	KHOAN	Vietnamese
3	ĐOÀN TUÂN TŨ	TD1	31	1	4			71	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN THIÊN TUÂN	TD1	12	1	3			68	KHOAN	Vietnamese
5	LẠI ĐỨC LAM	TD1	32	1	5			72	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM XUAN HUY	TD1	03	1	7	5	75	62	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ THANH CÔNG	TD1	08	1	3			69	KHOAN	Vietnamese
8	SIDORSKIY DMITRY	TD1	14	1	14			94	ANTOAN	Russian
9	VŨ ĐÌNH PHONG	TD1	35	1	8			70	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ TUÂN ANH	TD1	10	1	6			67	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN PHI HÙNG	TD1	11	1	8			85	KHOAN	Vietnamese
12	ĐỖ QUANG LỰC	TD1	07	1	8			66	KHOAN	Vietnamese
13	VŨ QUY VINH	TD1	04-05	2	12			76	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ VIỆT THÀNH	TD1	06	1	7			74	KHOAN	Vietnamese
15	NINH ĐỨC THUẬT	TD1	01	1	13			67	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN XUAN PHU	TD1	09	1	3			86	KHOAN	Vietnamese
17	ĐOÀN XUAN CUƠNG	TD1	13	1	13			71	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYỄN DUY BAI	TD1	39-40	2	22			76	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN NAM HOANG	TD1	34	1	15	1	17	55	CODIEN	Vietnamese
20	PHAN MẠNH HÙNG	TD1	37-38	2	13	3	27	70	CODIEN	Vietnamese
21	NGÔ VĂN THANH	CLO	02-03	2	12			66	PSV	Vietnamese
22	TÔ CÔNG TẠNH	CLO	01	1	4			66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD1	20	1.450	23	175	9	119	14		CHUYEN 1 PAX TD1 SANG CLO
2	CLO	2	132	3	16	0	0	8		
TOTAL		22	1.582	26	191	9	119	22		
WEIGHT KG			1.582		191		119			

GRAND TOAL: 1.892 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/11/2024		TO: RP3			AIRCRAFT: 410				ETD: 09:55	
FLIGHT: 04		FROM: VT			CREW: CHIẾN - N.CƯỜNG - TÚ				ETA: 11:45	
VANG-2										
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN QUỐC KHIÊM	RP3	01-02	2	6			90	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ NHƯ NGUYỄN	RP3	26-27	2	10			66	KHI	Vietnamese
3	TRẦN VĂN SEN	RP3	05	1	5	1	20	70	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN SANG	RP3	03	1	5			57	KHI	Vietnamese
5	LÂM TIẾN PHI	RP3	09	1	7			85	KHI	Vietnamese
6	HỒ VĂN LƯƠNG	RP3	06	1	3			64	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN TRUNG HÒA	RP3	08	1	11			75	KHI	Vietnamese
8	PHẠM TRUNG DŨNG	RP3	10	1	6			76	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN CỬ	RP3	95	1	4			58	KHI	Vietnamese
10	HÀ THẾ BẢO	RP3						80	KHI	Vietnamese
11	PANKRATOV	RP3	15	1	12			95	KHI	Russian
12	LÊ QUANG HUY	RP3	13-14	2	16	8	109	72	SOLAR	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH TUNG TÀI	RP3	17	1	10			70	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN HOÀNG MINH	RP3	16	1	10			71	CODIEN	Vietnamese
15	HÀ MẠNH HOÀNG	RP3	11-12	2	12			73	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT KỶ	RP3	07	1	5			73	KHI	Vietnamese
17	PHẠM VĂN LẬP	RP3						60	KHI	Vietnamese
18	PHẠM BÌNH NAM	RP3	04	1	8			61	KHI	Vietnamese
19	PHẠM BUI HOANG LONG	RP3	99,700	2	9			70	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	RP3	94	1	9			71	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN TIẾN DŨNG	RP3	96-97	2	10			67	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN ĐỨC	RP3	98	1	7			80	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	22	1.584	26	165	9	129	22		
TOTAL		22	1.584	26	165	9	129	22		
WEIGHT KG			1.584		165		129			

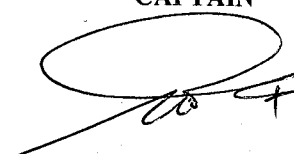
GRAND TOAL: 1.878 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





John VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/11/2024	TO: PPD - TD1	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: DƯƠNG - N.ANH -	ETA: 11:40
CAM - 2		QTRƯỜNG	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐINH THÈ QUẢN	PPD	29	1	4			67	KHI	Vietnamese
2	PHAN VĂN TÙNG	PPD	33	1	11			74	KHI	Vietnamese
3	NGUYEN VĂN NAM	PPD	30	1	8			62	KHI	Vietnamese
4	TRẦN VĂN DUNG	PPD	38	1	3			80	KHI	Vietnamese
5	ĐO NGỌC TÂN	PPD	32	1	10			73	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN VĂN TÁ	PPD	41	1	2	3	45	72	KHI	Vietnamese
7	TRẦN LÊ RANG	PPD	35	1	4			86	KHI	Vietnamese
8	PHẠM TÀI	PPD	91	1	13			74	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN HUU HAO	PPD	43-44	2	13			79	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN HUY TRƯỜNG	PPD	31	1	3			67	KHI	Vietnamese
11	KOLESNIK A.IU	PPD	89-90	2	17			103	KHI	Russian
12	LÊ MINH PHỤNG	PPD	40	1	4			79	KHI	Vietnamese
13	TRẦN KÝ TUÂN	PPD	28	1	5			83	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN TIẾN ĐẠT	PPD	25-26	2	6			78	KH-THAC	Vietnamese
15	NGO VĂN NGHỊ	PPD	27	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
16	CHU MINH PHƯƠNG	PPD	34	1	6			84	KHI	Vietnamese
17	BUI THANH	PPD	42	1	4			62	KHI	Vietnamese
18	ĐO VĂN THANH	PPD	39	1	7			85	KHI	Vietnamese
19	TRỊNH QUỐC THANH	PPD	36-37	2	10			107	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN VĂN PHÚC	TD1	51-52	2	18			59	CODIEN	Vietnamese
21	TRẦN XUÂN SINH	TD1	49-50	2	19			76	CODIEN	Vietnamese
22	PHAN THANH TÀI	TD1	53	1	7	2	35	54	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	PPD	19	1.478	23	136	3	45	18		
2	TD1	3	189	5	44	2	35	4		
TOTAL		22	1.667	28	180	5	80	22		
WEIGHT KG			1.667		180		80			

GRAND TOAL: 1.927 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/11/2024	TO: RP2 - RP1 - VSP01	AIRCRAFT: 406	ETD: 10:00
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: LINH - HTRUNG - TOAN	ETA: 11:50
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BORVINSKY A.A.	VSP01	76	1	9			91	KH-THAC	Russian
2	TRUBOCHKIN A.A.	VSP01	79	1	9			80	KH-THAC	Russian
3	HUYNH KIM KHANH	VSP01	80	1	12			76	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM HOANG THANH	VSP01	73	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN HAI HA	VSP01	62-63	2	11			64	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN DUC THIEN	VSP01	66	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN NAM SINH	VSP01	78	1	8			80	KH-THAC	Vietnamese
8	VU QUANG THANH	VSP01	71-72	2	8			70	YTE	Vietnamese
9	TRAN VAN CHAU	VSP01	64	1	3			60	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN VAN TRUONG	VSP01	77	1	12			64	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TRONG NAM	VSP01	68-69	2	13			90	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HOANG HA	VSP01	81-82	2	19			76	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐANG DUC ANH	VSP01						68	KH-THAC	Vietnamese
14	VU HAI ĐANG	VSP01	65	1	5			83	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN QUOC TUAN	VSP01	74	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
16	TRINH TIEN BINH	VSP01	75	1	8			97	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN THANH LOI	VSP01	67	1	4			81	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG PHUC LUONG	VSP01						82	KH-THAC	Vietnamese
19	LE THANH TUAN	VSP01	70	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP2	0	0	0	0	0	0	1	2	CHUYEN 2 PAX RP2-RP1
2	RP1	0	0	0	0	0	0	0		
3	VSP01	19	1.449	21	143	0	0	21		
TOTAL		19	1.449	21	143	0	0	22		
WEIGHT KG			1.449		143		0			

GRAND TOAL: 1.592 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Linh VSP

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/11/2024		TO: T.UNG			AIRCRAFT: 618			ETD: 11:15		
FLIGHT: 07		FROM: VT			CREW: TRƯỜNG - LTUẤN			ETA: 14:30		
TRANG-3										
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LAI MINH HOANG	T.UNG	05	1	8			82	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ THANH TUNG	T.UNG	16	1	5			93	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN ĐÀ KHA	T.UNG	10	1	10	5+2	70+30	84	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÀO DUY TỬ	T.UNG	01	1	4			59	KH-THAC	Vietnamese
5	LUƠNG VĂN LƯƠNG	T.UNG	21	1	8			91	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ XUÂN ĐẠT	T.UNG	12	1	9			86	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐỖ VĂN CUÔNG	T.UNG						72	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN SƠN	T.UNG						70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HUY DUY	T.UNG	07	1	5			93	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN ĐÀN	T.UNG						64	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ ANH TUẤN	T.UNG	08	1	4			58	KH-THAC	Vietnamese
12	LÂM HỮU TUNG	T.UNG	17-18	2	18	1	7	64	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ KHÁNH	T.UNG	13-14	2	15	1	19	64	XAYLAP	Vietnamese
14	BUI MẠNH HAI	T.UNG	19-20	2	13			51	XAYLAP	Vietnamese
15	VŨ QUỐC THANH	T.UNG	02-04	3	19			76	XAYLAP	Vietnamese
16	VŨ NGỌC BAO	T.UNG	09	1	4			57	PSV	Vietnamese
17	LÊ TUẤN AN	T.UNG	06	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	T.UNG	17	1.237	19	128	7	96	19		
TOTAL		17	1.237	19	128	7	96	19		
WEIGHT KG			1.237		128		96 + 30			

GRAND TOAL: 1.461 KGS +30

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN








FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/11/2024	TO: AMD - P4	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:15
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: CHIẾN - N.CUÔNG -	ETA: 14:05
CAM-3		DTUNG	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	DƯƠNG CHÍ PHONG	AMD	79	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐAO MINH TUAN	AMD	83	1	5			88	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN XUAN THANH	AMD	75	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN ANH DUNG	AMD	82	1	3			69	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ ANH MINH	AMD	76	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM VĂN QUÂN	AMD	80	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM VĂN QUANG	AMD	78	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VĂN HUNG	AMD	77	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN TRUNG KIẾN	AMD	84	1	6			79	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG VĂN SAU	AMD	86	1	5			57	KH-THAC	Vietnamese
11	LÀ NGỌC MẠNH	AMD	85	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐOÀN QUỐC VIỆT	AMD	82	1	8			95	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI ĐĂNG TIEN	P4	68	1	7			70	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN VĂN TÀI	P4	67	1	2			69	KHI	Vietnamese
15	BUI VĂN DỪA	P4	71-72	2	15			75	NAM TIEN	Vietnamese
16	HOANG MINH CANH	P4	69-70	2	20			65	NAM TIEN	Vietnamese
17	TRẦN MINH PHONG	P4	61-62	2	11			78	CODIEN	Vietnamese
18	HUYNH VĂN NƠ	P4	59-60	2	8			52	CODIEN	Vietnamese
19	ĐO VĂN ĐIỆP	P4	63.66	2	17			70	CODIEN	Vietnamese
20	PHẠM CÔNG AN	P4	64-65	2	11			89	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	AMD	12	860	12	57	0	0	12		
2	P4	8	568	14	91	0	0	9		
TOTAL		20	1.428	26	148	0	0	21		
WEIGHT KG			1.428		148		0			

GRAND TOAL: 1.576 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/11/2024	TO: TGTH4 - TGTH5 - AMD	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:20
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: LINH - HTRUNG - NNAM	ETA: 14:10
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHUNG MINH HAI	TGTH4	96	1	9			75	HLJOC	Vietnamese
2	PHAN THANH NGOAN	TGTH4	89-90	2	16			91	KH-THAC	Vietnamese
3	LE VAN TU	TGTH4	93	1	11			62	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN DINH CU	TGTH4	91	1	10			57	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN KHAC TOAN	TGTH4	88	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
6	DO VAN THAO	TGTH5	29	1	7			67	HLJOC	Vietnamese
7	NGUYEN HUU LUAT	TGTH5	28	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN VAN KHANH	TGTH5	30	1	6			57	KH-THAC	Vietnamese
9	DAO CONG BINH	TGTH5	26	1	10			66	KH-THAC	Vietnamese
10	DUONG MANH PHU	AMD	76	1	11			80	KH-THAC	Vietnamese
11	NGO TRI HUNG	AMD	74	1	11			63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGO VAN BAC	AMD	75	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
13	TRUONG VAN BA	AMD	79-80	2	14			74	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN HUU PHUOC	AMD	77-78	2	12			69	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN LUONG	AMD	68	1	12			72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN XUAN TOAN	AMD	70-71	2	13			79	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC MAI	AMD	81	1	7			78	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN HUU BINH	AMD	69	1	8			62	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN QUOC TINH	AMD	72-73	2	9			75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TGTH4	5	361	6	50	0	0	4		
2	TGTH5	4	258	4	27	0	0	4		
3	AMD	10	723	14	103	0	0	14		
TOTAL		19	1.342	24	180	0	0	22		
WEIGHT KG			1.342		180		0			

GRAND TOAL: 1.522 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/11/2024		TO: VSP01 - PPD			AIRCRAFT: 428			ETD: 12:10		
FLIGHT: 10		FROM: VT			CREW: DU'ONG - NPHÚ - HUY			ETA: 14:00		
XANH - 3										
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN NGOC LAN	VSP01						73	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN THANH TUNG	VSP01	86-87	2	11			73	KH-THAC	Vietnamese
3	LUU DINH LUC	VSP01	83	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN VAN THUY	VSP01						69	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐANG MINH TAM	VSP01	96	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN TAN SANG	VSP01	94	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN THU'ONG HAI	VSP01	88	1	2			51	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN TUYEN	VSP01						75	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN VIET TUNG	VSP01	97	1	4	2	23	66	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN DUY ĐONG	VSP01	85	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN THANH HA	VSP01	84	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VIET MINH HOANG	VSP01	95	1	8			79	ANTOAN	Vietnamese
13	BUI THI PHUONG THAO	VSP01	89-90	2	14			67	NIPI	Vietnamese
14	PHAM HONG QUANG	VSP01	91-92	2	9			63	NIPI	Vietnamese
15	THAI VIET PHI	VSP01	93	1	8			67	PSV	Vietnamese
16	PHAM HAI QUANG	PPD	55	1	4			71	KHI	Vietnamese
17	VU MANH HUNG	PPD	53	1	6			74	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN TRU'ONG NHAT MINH	PPD	51-52	2	10			83	KHI	Vietnamese
19	TRINH CONG BINH	PPD	54	1	12			64	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN CAO CU'ONG	PPD	48	1	7			69	XAYLAP	Vietnamese
21	VÔ HOANG LAM	PPD	49	1	20			65	XAYLAP	Vietnamese
22	TRAN MINH THUAN	PPD	50	1	6			72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	VSP01	15	1.011	15	81	2	23	12		
2	PPD	7	498	8	65	0	0	10		
TOTAL		22	1.509	23	146	2	23	22		
WEIGHT KG			1.509		146		23			

GRAND TOAL: 1.678 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/11/2024	TO: RP3	AIRCRAFT: 428	ETD: 14:30
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: DƯƠNG - NPHÚ - HUY	ETA: 16:20
XANH-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN MẠNH TÙNG	RP3	36	1	6			93	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN CÔNG KHOAI	RP3	77	1	9			67	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ VĂN TÙNG	RP3	91-92	2	8			60	XAYLAP	Vietnamese
4	HOANG VAN NAM	RP3	84	1	10			64	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN GIA HIEU	RP3	78	1	20			66	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	RP3	58-59	2	20			83	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN BA LỤC	RP3	29	1	12			77	XAYLAP	Vietnamese
8	PHẦN VĂN HẠNH	RP3	79-80	2	20			80	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ XUÂN LẬP	RP3	83	1	16			66	XAYLAP	Vietnamese
10	TRƯỜNG VĂN PHÚC	RP3	57	1	8	1	14	75	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ TRỌNG LÝ	RP3	32-33	2	16			59	XAYLAP	Vietnamese
12	MAI TRỌNG HAI	RP3	86	1	13			64	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN LỢI	RP3	87-88	2	19			64	XAYLAP	Vietnamese
14	LƯU SÙNG BA	RP3	85	1	3			63	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HIỂU	RP3	34-35	2	19			72	XAYLAP	Vietnamese
16	BUI ĐỨC KHANH	RP3	31	1	6			54	PSV	Vietnamese
17	HOANG ĐỨC HAI	RP3	81-82	2	17			68	CODIEN	Vietnamese
18	HỒ CHIẾN THẮNG	RP3	89-90	2	18			58	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	18	1.233	26	240	1	14	22		
TOTAL		18	1.233	26	240	1	14	22		
WEIGHT KG			1.233		240		14			

GRAND TOAL: 1.487 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/11/2024	TO: PPD(+2h)	AIRCRAFT: 427	ETD: 10:30
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - M.ĐỨC - VTHU	ETA: 14:00
NAU-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN CONG HOAN	PPD				1	20	79	VSP	Vietnamese
2	NGUYEN VAN MINH	PPD				3	55	74	VSP	Vietnamese
3	NGUYEN QUYET THANG	PPD						72	KHI	Vietnamese
4	PHUNG THI LY HUONG	PPD						54	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN DUC BINH	PPD						67	KHI	Vietnamese
6	BUI KHAC HOANG	PPD						60	YTE	Vietnamese
7	NGUYEN DINH TUAN	PPD						72	CONG AN	Vietnamese
8	PHAN VAN HANH	PPD						78	CONG AN	Vietnamese
9	HO BA CUONG	PPD						66	CONG AN	Vietnamese
10	VU DUY THANG	PPD						70	CONG AN	Vietnamese
11	TRUONG DUY VUONG	PPD						82	CONG AN	Vietnamese
12	NGUYEN HUU THUY	PPD						69	VIEN KS	Vietnamese
13	TRINH THI TUYET	PPD						63	VIEN KS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	PPD	13	906	0	0	4	75	16		THAO GHE CHO CANG VSP
TOTAL		13	906	0	0	4	75	16		
WEIGHT KG			906		0		75			

GRAND TOAL: 981 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 24/11/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK3+BK10+TD2	7:25	7+0+10	0+0+0		9+0+13	0+0+0	chuyen 3 bk3-bk10
2		TD2+BK4+TD1	7:25	14+5+0	0+0+0		14+4+4	0+0+0	
3		P10+P11	9:25	20+0	0+0		20+2	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/11/2024	TO: TD2 - BK4 - TD1	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: DUONG - ĐNAM - TOAN	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN CHI DUC	TD2	09	1	2			54	KHOAN	Vietnamese
2	DINH VAN HUAN	TD2	11	1	4			73	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN DUAN	TD2	10	1	4	1	18	62	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN VAN MINH	TD2	83-84	2	12			63	KHOAN	Vietnamese
5	CU THANH NHAN	TD2	12	1	4			62	KHOAN	Vietnamese
6	DANG MINH TUAN	TD2	22	1	17			85	KHOAN	Vietnamese
7	LE THANH THAI	TD2	86	1	14			92	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN VAN NGHIA	TD2	87	1	17	2	36	85	DVL	Vietnamese
9	NGUYEN VAN THU	TD2	85	1	16			63	DVL	Vietnamese
10	NGUYEN DUC LONG	TD2	20-21	2	15			66	KHOAN	Vietnamese
11	LE VAN THANG	TD2	18-19	2	10			67	XLAP	Vietnamese
12	NGUYEN VAN LOC	TD2	15	1	11			64	XLAP	Vietnamese
13	CAO KINH THAO	TD2	13	1	13	1	12	70	TTIN	Vietnamese
14	VU DINH GIANG	TD2	16-17	2	19			67	PSV	Vietnamese
15	LE DINH DO	BK4	51-52	2	27			80	XLAP	Vietnamese
16	DINH VAN QUANG	BK4	47-48	2	12			56	XLAP	Vietnamese
17	PHAM TIEN SY	BK4	53	1	18	3	35	77	XLAP	Vietnamese
18	NGUYEN CANH CHUNG	BK4	49-50	2	12			52	XLAP	Vietnamese
19	TRAN DINH HUNG	BK4	23	1	8			71	XLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD2	14	973	18	158	4	66	14		
2	BK4	5	336	8	77	3	35	4		
3	TD1	0	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		19	1.309	26	235	7	101	22		
WEIGHT KG			1.309		235		101			

GRAND TOAL: 1.645 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/11/2024	TO: BK3 - BK10 - TD2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:32
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: LINH - MTHAO - THỤ	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOANG MY TRUONG	BK3	05	1	10			65	XAYLAP	Vietnamese
2	TRAN VAN LAI	BK3	06	1	13	1	17	59	XAYLAP	Vietnamese
3	HOANG VAN NGOC	BK3	10	1	15	1	13	53	XAYLAP	Vietnamese
4	BUI QUANG ANH	BK3	03,800	2	19			63	XAYLAP	Vietnamese
5	DO VAN CUONG	BK3	83-84	2	17			57	XAYLAP	Vietnamese
6	TRAN VAN DUNG	BK3	04,08	2	19	4	80	80	XAYLAP	Vietnamese
7	LE XUAN TUNG	BK3	09	1	17			80	XAYLAP	Vietnamese
8	PHAM TIEN NINH	TD2	88	1	8			71	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN TAI THUYET	TD2	86-87	2	8			60	KHOAN	Vietnamese
10	VU THAP TOAN	TD2				2	35	68	KHOAN	Vietnamese
11	HOANG XUAN KIEN	TD2	52-53	2	16			68	KHOAN	Vietnamese
12	LE MINH DUC	TD2	85	1	4			89	KHOAN	Vietnamese
13	DAU SY DIEP	TD2	77-78	2	9			77	KHOAN	Vietnamese
14	PHAM VAN HUNG	TD2	79	1	5			68	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM THANH BINH	TD2	81	1	8			83	ANTOAN	Vietnamese
16	DINH DUY HAI	TD2	84	1	11			71	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN DUC THANH	TD2	80	1	7			79	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK3	7	457	10	110	6	110	9	3	CHUYEN 3 KHACH TU BK3-BK10
2	BK10	0	0	0	0	0	0	0		
3	TD2	10	734	12	76	2	35	13		
TOTAL		17	1.191	22	186	8	145	22		
WEIGHT KG			1.191		186		145			

GRAND TOAL: 1.522 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/11/2024	TO: P10 - P11	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: DƯƠNG - ĐNAM - TOAN	ETA: 11:45
vang-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOANG VAN SON	P10	42-44	3	19			76	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN DUY CHINH	P10	24	1	9			74	XAYLAP	Vietnamese
3	TRAN DINH THO	P10	28	1	10			75	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN QUANG THOA	P10	29	1	13			69	XAYLAP	Vietnamese
5	CHU TIEN CUONG	P10	25-26	2	14			64	XAYLAP	Vietnamese
6	HUYNH DUC TAM	P10	22	1	7			64	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN SY MY	P10	41	1	14			68	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐAO QUỐC OAI	P10	21	1	8	1	16	78	XAYLAP	Vietnamese
9	LUONG VAN LEN	P10	30	1	20			70	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN QUOC CUONG	P10	59-60	2	20			71	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAM VAN QUYEN	P10	62	1	12	1	18	76	XAYLAP	Vietnamese
12	PHAM TUAN KHANH	P10	39-40	2	18			69	XAYLAP	Vietnamese
13	PHAM VAN LONG	P10	23	1	12			65	XAYLAP	Vietnamese
14	TRAN VAN HANH	P10	37-38	2	19			61	XAYLAP	Vietnamese
15	TRAN DUC CHIN	P10	31-32	2	20			69	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAM TIEN DAT	P10	57-58	2	19			60	XAYLAP	Vietnamese
17	TRAN VAN TUAN	P10	33-34	2	15			71	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN CHI HA	P10	27	1	18			72	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN SY ANH TU	P10	35	1	9	1	21	70	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN HAM CHUNG	P10	45	1	9			74	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P10	20	1.396	29	285	3	55	20		
2	P11	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		20	1.396	29	285	3	55	22		
WEIGHT KG			1.396		285		55			

GRAND TOAL: 1.736 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN